TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2019/HS-ST
Ngày 21-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Ông Mai Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1.Nguyễn Văn B, sinh ngày 07/4/1969, tại: Tiên Thọ, Tiên Phước, Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C (*Liệt sỹ*) và bà Nguyễn Thị M; có vợ Bùi Thị KIm T và 02 người con ; con lớn nhất sinh năm 1991; con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 18/02/2005, bị Trưởng Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh người gây thương tích với số tiền 200.000 đồng (Đã chấp hành xong) ; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/12/2018 đến ngày 27/12/2018 cho tại ngoại, có mặt.

2.Trần Văn T, sinh ngày 10/8/1971, tại: Tiên Thọ, Tiên Phước, Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: (Không xác định được) và bà Lê Thị D (*Chết*); có vợ Lê Thị Mộng L và 01 người con sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 13/5/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

tỉnh Quảng Nam khởi tố về hành vi ‘‘Mua bán trái phép chất ma tuý’’ ; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/12/2018 đến ngày 27/12/2018 cho tại ngoại; Hiện nay bị cáo bị tạm giam theo Lệnh tạm giam số 99/PC04 ngày 13/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam trong một vụ án khác, có mặt.

3.Lê Văn T, sinh ngày 20/4/1968, tại: Tiên Thọ, Tiên Phước, Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T (*Chết*) và bà Hồ Thị X; có vợ Nguyễn Thị M và 03 người con ; con lớn nhất sinh năm 2001; con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/12/2018 đến ngày 27/12/2018 cho tại ngoại, có mặt.

4.Trần L, sinh ngày 09/10/1970, tại: Tiên Lộc, Tiên Phước, Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 01, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H (*Chết*) và bà Trần Thị N; có vợ Nguyễn Thị Hồng L và 04 người con ; con lớn nhất sinh năm 1992; con nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/12/2018 đến ngày 27/12/2018 cho tại ngoại, có mặt.

5.Đặng Ngọc D, sinh ngày 26/3/1995, tại: Tiên Thọ, Tiên Phước, Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 7, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc Q và bà Phạm Thị B; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Theo Bản án số 04/2012/HSST ngày 24/02/2012 của Toà án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Đặng Ngọc D bị xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng về tội cướp tài sản; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/12/2018 đến ngày 27/12/2018 cho tại ngoại, có mặt.

6.Nguyễn K, tên gọi khác: Phương, sinh ngày 05/11/1982, tại: Tiên Thọ, Tiên Phước, Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 10, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông : (Không xác định được) và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7.Nguyễn Đức S, tên gọi khác: Lon, sinh ngày 12/02/1985, tại: Tiên Thọ, Tiên Phước, Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C và bà Đỗ Thị X (*Chết*); có vợ Đỗ Thị T và 02 người con ; con lớn nhất sinh năm 2008; con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

8.Huỳnh Đức T, sinh ngày 01/01/1977, tại: Tiên Thọ, Tiên Phước, Quảng

Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh C (*Chết*) và bà Nguyễn Thị C (*Chết*); có vợ Nguyễn Thị T và 02 người con ; con lớn nhất sinh năm 2003; con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; nhân thân : Theo Bản án số 14/2006/HSST ngày 08/8/2006 của Toà án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Huỳnh Đức T bị xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng về tội trộm cắp tài sản, bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

2. Bùi Thị Kim T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

3. Nguyễn Thị M, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

4. Lương Thị Thu D, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

5. Lương Quang H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

6. Trương Ngọc T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

7. Hồ Đức N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

2. Bùi Thị Kim T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17 tháng 12 năm 2018, Huỳnh Đức T và Lê Văn T chơi đánh bi da tại quán Thúy Hùng thuộc thôn 3, xã T, huyện T. Huỳnh Đức T nhận cuộc gọi từ một người nam thanh niên (*không biết ai gọi*) rủ đến nhà Nguyễn Văn B ở thôn 3, xã T, huyện T chơi đánh bạc thì Huỳnh Đức T đồng ý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Lê Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 92N9-6064 chở Huỳnh Đức T đến nhà Nguyễn Văn B thì gặp Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Phát, Trần L, Nguyễn Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Đức S đang uống rượu tại đây nên Huỳnh Đức T và Lê Văn T ngồi chơi. Sau khi uống rượu xong, những người này rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền nên Nguyễn Văn B

chuẩn bị chén, đĩa, vị, mền dùng để đánh bạc đem vào phòng sinh hoạt liền kề phòng khách nhà của Nguyễn Văn B để đánh bạc. Lúc này, Nguyễn Văn T xóc cái, còn Trần L, Lê Văn T, Trần Văn T đặt tiền cược, mức đặt cược của mỗi người trên chiếu bạc trong mỗi ván từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng, tổng số tiền đặt cược trên chiếu bạc trong mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Huỳnh Đức T không tham gia đánh bạc mà ngồi trên phản gỗ gần đó xem đánh bạc. Nguyễn Văn T xóc cái khoảng 4 đến 5 ván thì nghỉ. Lúc này, Đặng Ngọc D và Nguyễn K cũng đến nhà Nguyễn Văn B. Sau khi Nguyễn Văn T nghỉ không xóc cái nữa thì Nguyễn Văn B nói với Huỳnh Đức T:*"Tám mi có tiền đưa tau mấy triệu đồng chơi với, tau cầm dây chuyền cho mi"*, Huỳnh Đức T nói: *"Tui có tám triệu đây, ông có lấy không"*, Nguyễn Văn B trả lời: *"Ừ, đưa đây tau chơi tí cho vui"*. Huỳnh Đức T đưa cho Nguyễn Văn B 8.000.000 đồng thì Nguyễn Văn B tháo sợi dây chuyền kim loại màu vàng đang đeo trên cổ ra đưa cho Huỳnh Đức T và nói:*"May chi tau có ăn thì tau đưa cho mi vài đồng, còn tau thua thì thôi nghe, còn không bữa sau tau chuộc mi tính răng mi tính, không thì bữa sau tau bán sợi dây chuyền rồi đưa tiền cho mi chứ lo gì"*, Huỳnh Đức T trả lời:*"Anh cứ chơi đi"*. Nguyễn Văn B sử dụng 8.000.000 đồng nói trên đặt tại chiếu bạc rồi ngồi xóc cái cho Trần Văn T, Lê Văn T, Trần L, Nguyễn Đức S, Đặng Ngọc D, Nguyễn K đặt tiền cược. Nguyễn Văn B xóc cái khoảng 10 ván, mức đặt cược của mỗi người trên chiếu bạc trong mỗi ván từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, tổng số tiền đặt cược trên chiếu bạc trong mỗi ván từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, sau khi Nguyễn Văn B vừa xóc cái xong, Đặng Ngọc D, Trần Văn T, Nguyễn K đặt cược mỗi người 100.000 đồng trên chiếu bạc thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 8.700.000 đồng và các vật chứng khác liên quan.

Qua điều tra, các đối tượng khai nhận:

- Nguyễn Văn T sử dụng 150.000 đồng để xóc cái, tổng số tiền đặt cược trên chiếu bạc trong mỗi ván từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Nguyễn Văn T xóc cái khoảng 04 đến 05 ván thì thua hết tiền nên nghỉ và đi về.

- Nguyễn Văn B cầm sợi dây chuyền vàng cho Huỳnh Đức T được 8.000.000 đồng rồi sử dụng số tiền này để xóc cái. Nguyễn Văn B xóc cái khoảng 10 ván, tổng số tiền đặt cược trên chiếu bạc trong mỗi ván từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn B thắng được 400.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Đặng Ngọc D sử dụng 1.300.000 đồng để đánh bạc. Khi Nguyễn Văn T xóc cái, Đặng Ngọc D không tham gia đặt cược. Khi Nguyễn Văn B xóc cái, Đặng Ngọc D đặt cược 07 ván, mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, tổng số tiền đặt cược trên chiếu bạc trong những ván Đặng Ngọc D tham gia từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, tại ván cuối Đặng Ngọc D đặt cược 100.000 đồng, còn lại 1.100.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Trần Văn T sử dụng 510.000 đồng để đánh bạc. Khi Nguyễn Văn T xóc cái, Trần Văn T đặt cược 01 ván 10.000 đồng, tổng số tiền đặt cược trên chiếu bạc khoảng 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Khi Nguyễn Văn B xóc cái, Trần Văn T đặt cược 05 ván, mỗi ván 100.000 đồng, tổng số tiền đặt cược trên chiếu bạc trong những ván Trần Văn T tham gia từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, tại ván cuối Trần Văn T đặt cược 100.000 đồng, còn lại 400.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Lê Văn T sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc. Khi Nguyễn Văn T xóc cái, Lê Văn T đặt cược từ 03 đến 04 ván, mỗi ván 50.000 đồng, tổng số tiền đặt cược trên chiếu bạc từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Khi Nguyễn Văn B xóc cái, Lê Văn T đặt cược từ 07 đến 08 ván, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, tổng số tiền đặt cược trên chiếu bạc trong những ván Lê Văn T tham gia từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Lê Văn T thua hết tiền đang ngồi xem người khác đánh bạc thì bị bắt qủa tang.

- Trần L sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. Khi Nguyễn Văn T xóc cái, Trần L đặt cược 02 ván, một ván 10.000 đồng và một ván 20.000 đồng, tổng số tiền đặt cược trên chiếu bạc khoảng 100.000 đồng. Khi Nguyễn Văn B xóc cái, Trần L đặt cược từ 06 đến 07 ván, mỗi ván 50.000 đồng, tổng số tiền đặt cược trên chiếu bạc trong những ván Trần L tham gia từ 200.000 đồng đến 700.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Trần L còn 120.000 đồng đang ngồi xem người khác đánh bạc thì bị bắt quả tang.

- Nguyễn Đức S sử dụng 420.000 đồng để đánh bạc. Khi Nguyễn Văn T xóc cái, Nguyễn Đức S không tham gia đặt cược. Khi Nguyễn Văn B xóc cái, Nguyễn Đức S đặt cược 07 ván, 06 ván đầu đặt 100.000 đồng, ván cuối cùng đặt 20.000 đồng, tổng số tiền đặt cược trên chiếu bạc trong những ván Nguyễn Đức S tham gia từ 400.000 đồng đến 800.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Đức S thua hết tiền đang ngồi xem người khác đánh bạc thì bị phát hiện, Nguyễn Đức S bỏ chạy.

- Nguyễn K sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc. Khi Nguyễn Văn T xóc cái, Nguyễn K không tham gia đặt cược. Khi Nguyễn Văn B xóc cái, Nguyễn K đặt cược 04 ván, mỗi ván 100.000 đồng, tổng số tiền đặt cược trên chiếu bạc trong những ván Nguyễn K tham gia từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, tại ván cuối Nguyễn K đặt cược 100.000 đồng, còn lại 400.000 đồng thì bị phát hiện, Nguyễn K bỏ chạy.

- Huỳnh Đức T đến nhà Nguyễn Văn B để đánh bạc, tuy nhiên do thấy người quen nên Huỳnh Đức T không tham gia đánh bạc mà ngồi xem. Khi Nguyễn Văn B hỏi cầm cố sợi dây chuyền cho Huỳnh Đức T để lấy tiền xóc cái thì Huỳnh Đức T đồng ý cầm cố cho Nguyễn Văn B số tiền 8.000.000 đồng để Bường có điều kiện đánh bạc, rồi tiếp tục ngồi xem đánh bạc. Sau đó, Huỳnh Đức T nằm nghỉ trên phản gỗ đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì bị phát hiện.

Vật chứng tạm giữ trong vụ án:

Một chén sứ màu trắng, có hoa văn màu xanh; Một đĩa sứ màu trắng, có hoa văn màu vàng; Bốn mảnh giấy cứng *(thường gọi là con vị)* được cắt từ lá bài tây, dạng hình tròn, đường kính trung bình khoảng 02 cm; Một tấm mền vải có màu đỏ - xám - trắng.

Một phong bì màu trắng được niêm phong có chữ ký giáp lai của Lê Xuân Hạnh, Ngô Công Quí, Nguyễn Văn B, Huỳnh Đức T, mặt trước có ghi ký tự "MẶT DÂY CHUYỀN DẠNG RĂNG NANH", bên trong có một mặt dây chuyền dạng răng nanh màu trắng dài 6,8cm, chỗ rộng nhất 1,5cm, hai đầu có bọc kim loại màu vàng.

Một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3310 TA 1030, số Imei 1: 357300083965866, số Imei 2: 357300083965874 và một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 TA 1010, số Imei: 352877101519168 của Trần Văn T; Một điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V6308, số Imei 1: 357492068288735, số Imei 2: 357492068288743 của Đặng Ngọc D; Một điện thoại di động Mobel M690, màu đen, số Imei 1: 806905120955014 của Huỳnh Đức T.

Một phong bì màu trắng được niêm phong có chữ ký giáp lai của Lê Xuân Hạnh, Ngô Công Quí, Nguyễn Văn B, Huỳnh Đức T, mặt trước có ghi ký tự "SỢI DÂY CHUYỀN KIM LOẠI MÀU VÀNG", bên trong có một sợi dây chuyền kim loại màu vàng dạng mắc xích, dài 47cm.

Một xe mô tô BKS: 92M1-042.32 của Nguyễn Đức S; Một xe mô tô BKS: 92N9-6064 của Lê Văn T.

Số tiền 21.900.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 15/CT-VKSTP ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B, Đặng Ngọc D, Lê Văn T, Trần Văn T, Trần L, Nguyễn Đức S, Nguyễn K, Huỳnh Đức T về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s, x khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 09 đến 12 tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 đến 09 tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc D từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Xử phạt bị cáo Trần L 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Xử phạt bị cáo Huỳnh Đức T 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức S 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn K 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)* và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Trần Văn T:

Một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3310 TA 1030, số Imei 1: 357300083965866, số Imei 2: 357300083965874 và một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 TA 1010, số Imei: 352877101519168; Số tiền 130.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Huỳnh Đức T: số tiền 7.470.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B: Một mặt dây chuyền dạng răng nanh màu trắng dài 6,8cm, chỗ rộng nhất 1,5cm, hai đầu có bọc kim loại màu vàng (*Đã được niêm phong trong phong bì*); số tiền 80.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức S: Một xe mô tô BKS: 92M1-042.32 của Nguyễn Đức S

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước:

Số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 8.700.000 đồng, số tiền của Trần Văn T sử dụng đánh bạc là 400.000 đồng, số tiền của Đặng Ngọc D sử dụng đánh bạc là 1.100.000 đồng, số tiền Trần Văn Lộc sử dụng đánh bạc là 120.000 đồng.

50% giá trị sợi dây chuyền kim loại màu vàng dạng mắc xích, dài 47cm (*Được niêm phong trong phong bì*) của bị cáo Nguyễn Văn B; Trả 50% giá trị sợi dây chuyền còn lại cho bà Nguyễn Thị Kim T.

50% giá trị xe mô tô nhãn hiệu MIKADO, số loại: 110, màu sơn xanh, số máy: VTTJL1P52FMHN004032, số khung: VTTWCH0E4UM004032; biển số 92N9 - 6064; trả 50% giá trị xe mô tô còn lại cho bà Nguyễn Thị M.

Một điện thoại di động Mobel M690, màu đen, số Imei 1: 806905120955014 của Huỳnh Đức T.

Một điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V6308, số Imei 1: 357492068288735, số Imei 2: 357492068288743 của Đặng Ngọc D.

Tịch thu và tiêu hủy: Một chén sứ màu trắng, có hoa văn màu xanh; Một đĩa sứ màu trắng, có hoa văn màu vàng; Bốn mảnh giấy cứng *(thường gọi là con vị)* được cắt từ lá bài tây, dạng hình tròn, đường kính trung bình khoảng 02 cm; Một tấm mền vải có màu đỏ - xám - trắng.

Truy thu của bị cáo Nguyễn K 400.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Giao cho Cơ quan Công an huyện T số tiền 3.900.000 đồng thu giữ tại nhà Nguyễn Văn B để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn B, Đặng Ngọc D, Lê Văn T, Trần Văn T, Trần L, Nguyễn Đức S, Nguyễn K, Huỳnh Đức T khai nhận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 17 tháng 12 năm 2018, tại nhà Nguyễn Văn B ở thôn 3, xã T, huyện T, trong lúc uống rượu, Nguyễn Văn B và những người tham gia uống rượu rủ chơi xóc đĩa và Nguyễn Văn B chuẩn bị bộ chén đĩa đem vào trong phòng để chơi. Lúc đầu Nguyễn Văn T xóc cái cho các đối tượng đặt cược. Sau đó Nguyễn Văn B cầm cố sợi dây chuyền kim loại màu vàng cho Huỳnh Đức T lấy 8.000.000 đồng và sử dụng số tiền này cầm cái xóc đĩa để Đặng Ngọc D, Trần Văn T, Lê Văn T, Trần L, Nguyễn Đức S, Nguyễn K đặt cược thắng thua bằng tiền. Đến 23 giờ cùng ngày, khi Nguyễn Văn B đang xóc cái, Đặng Ngọc D, Trần Văn T, Nguyễn K đặt cược thì bị Công an huyện T bắt quả tang. Tang vật thu giữ tại chiếu bạc là 8.700.000 đồng, ngoài ra còn thu giữ tiền của các bị cáo sử dụng đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 10.720.000 đồng.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố cũng như phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để khẳng định hành vi đánh bạc như đã nêu ở trên của các bị cáo Nguyễn Văn B, Đặng Ngọc D, Lê Văn T, Trần Văn T, Trần L, Nguyễn

Đức S, Nguyễn K và hành vi giúp sức cho người khác đánh bạc của Huỳnh Đức T phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. Số tiền sử dụng để đánh bạc là 10.720.000 đồng, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước đã truy tố các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo có đủ khả năng nhận thức hành vi đánh bạc là trái pháp luật nhưng vì để thỏa mãn việc thắng, thua bằng tiền, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý xã hội, an toàn công cộng, trật tự công cộng mà còn gây ra các hệ lụy khác khi kẻ thắng, người thua. Các bị cáo nhận thức và hiểu rõ điều đó nhưng bất chấp pháp luật và sự lên án của xã hội thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội trên địa bàn huyện T. Vì vậy, cần áp dụng cho các bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Xét nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo Đặng Ngọc D, Huỳnh Đức T đã phạm tội nhưng được xoá án tích, bị cáo Trần Văn T đang bị khởi tố, điều tra về hành vi mua bán trái phép chất ma tuý, bị cáo Nguyễn Văn B đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh người nên có nhân thân không tốt. Các bị cáo Lê Văn T, Trần L, Nguyễn Đức S, Nguyễn K có nhân thân tốt. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo Nguyễn Văn B, Lê Văn T, Trần Văn T, Trần L, Nguyễn Đức S, Nguyễn K phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Nguyễn Văn B có cha là liệt sỹ và hiện đang nuôi mẹ già đau ốm không đi lại được. Bị cáo Huỳnh Đức T, Đặng Ngọc D gia đình có công cách mạng, bản thân Duy có thời gian phục vụ trong quân đội; bị cáo Nguyễn K, Nguyễn Đức S có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo Lê Văn T có thời gian phục vụ trong quân đội tại chiến trường Cam-pu-chia. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho tất cả các bị cáo (*Trừ bị cáo Đặng Ngọc D, Huỳnh Đức T không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015*). Bị cáo Nguyễn Văn B áp dụng thêm điểm x khoản 1, 2 Điều 51, bị cáo Nguyễn K, Đặng Ngọc D, Nguyễn Đức S, Huỳnh Đức T, Lê Văn T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần khi quyết định hình phạt thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước.

[6] Xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo. Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn B là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ để đánh bạc tại nhà mình và là người trực tiếp xóc cái cho các bị cáo khác đặt cược nên áp dụng cho bị cáo B hình phạt và mức án nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ và hiện nay đang nuôi mẹ là bà Nguyễn

Thị M (*Vợ Liệt sỹ*). Xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo Nguyễn Văn B ra ngoài xã hội mà giao về cho chính quyền địa phương giám sát giáo, dục cũng đủ điều kiện để cải tạo bị cáo.

Các bị cáo còn lại tham gia với vai trò thực hành đặt cược, trong đó bị cáo Đặng Ngọc D sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất và nhân thân không tốt nên áp dụng hình phạt hình phạt cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung. Bị cáo D không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập. Bị cáo Huỳnh Đức T là đồng phạm với vai trò giúp sức nên tính chất, mức độ phạm tội nhẹ nhất trong vụ án nhưng có nhân thân không tốt nên bị cáo Huỳnh Đức T và các bị cáo Trần Văn T, Lê Văn T, Trần L, Nguyễn Đức S, Nguyễn K áp dụng hình phạt tiền làm hình phạt chính là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và cũng đảm bảo sự răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

[7] Đối với Nguyễn Văn T đã có hành vi đánh bạc nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng:

Các tài sản Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật nên không xem xét giải quyết.

Các điện thoại thu giữ của bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo T. Số tiền 530.000 đồng thu giữ của bị cáo T, trong đó bị cáo sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc nên trả lại cho bị cáo số tiền không sử dụng đánh bạc là 130.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Số tiền 7.470.000 đồng thu giữ của bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Số tiền 80.000 đồng và một mặt dây chuyền dạng răng nanh màu trắng dài 6,8cm, chỗ rộng nhất 1,5cm, hai đầu có bọc kim loại màu vàng (*Đã được niêm phong trong phong bì*) thu giữ của bị cáo B không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo B nhưng tiếp tục tạm giữ các tài sản này để đảm bảo cho việc thi hành án.

Chiếc xe mô tô BKS: 92M1-042.32 của Nguyễn Đức S không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo S.

Số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 8.700.000 đồng, số tiền của Trần Văn T sử dụng đánh bạc là 400.000 đồng, số tiền của Đặng Ngọc D sử dụng đánh bạc là 1.100.000 đồng, số tiền Trần L sử dụng đánh bạc là 120.000 đồng là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu MIKADO, số loại: 110, màu sơn xanh, số máy: VTTJL1P52FMHN004032, số khung: VTTWCH0E4UM004032; biển số 92N9 - 6064, bị cáo Thủ mua lại của người khác chưa sang tên nhưng lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp, thể hiện chiếc xe thuộc sở

hữu hợp pháp của bị cáo Lê Văn T. Bị cáo sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, chiếc xe này là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng Lê Văn T và Nguyễn Thị M nên tịch thu 50% phần giá trị tài sản của bị cáo Lê Văn T và trả lại 50% phần giá trị tài sản của bà Nguyễn Thị M là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với sợi dây chuyền kim loại màu vàng dạng mắc xích, dài 47cm (*Được niêm phong trong phong bì*) của bị cáo Nguyễn Văn B đã cầm cố cho Huỳnh Đức T lấy tiền sử dụng vào mục đích phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Do đây là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng Nguyễn Văn B và Bùi Thị Kim T nên tịch thu 50% phần giá trị tài sản của bị cáo Nguyễn Văn B và trả lại 50% phần giá trị tài sản của bà Bùi Thị Kim T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Một chén sứ màu trắng, có hoa văn màu xanh; Một đĩa sứ màu trắng, có hoa văn màu vàng; Bốn mảnh giấy cứng *(thường gọi là con vị)* được cắt từ lá bài tây, dạng hình tròn, đường kính trung bình khoảng 02 cm; Một tấm mền vải có màu đỏ - xám - trắng là công cụ có liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu và tiêu hủy.

Số tiền 3.900.000 đồng thu giữ tại nhà của Nguyễn Văn B chưa xác định được chủ sở hợp pháp nên giao cho Cơ quan Công an huyện T xử lý theo quy định của pháp luật.

Cần thiết truy thu số tiền 400.000 đồng bị cáo Nguyễn K sử dụng đánh bạc.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn B, Đặng Ngọc D, Lê Văn T, Trần Văn T, Trần L, Nguyễn Đức S, Nguyễn K, Huỳnh Đức T phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s, x khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 09 (*Chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*Mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án (21/6/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn B 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35, 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017),* Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc D 06 (*Sáu*) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 18/12/2018 đến ngày 27/12/2018 là 09 ngày x 3= 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đặng Ngọc D cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Đặng Ngọc D 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017),* Xử phạt bị cáo Huỳnh Đức T 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức S 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*);

Xử phạt bị cáo Nguyễn K 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*);

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*:

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*);

Xử phạt bị cáo Trần L 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)* và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn T:

Một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3310 TA 1030, số Imei 1: 357300083965866, số Imei 2: 357300083965874 và một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 TA 1010, số Imei: 352877101519168.

Số tiền 130.000 đồng (*Một trăm ba mươi ngàn đồng*), trong số tiền 530.000 đồng (*Năm trăm ba mươi ngàn đồng*) thu giữ của bị cáo T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Huỳnh Đức T: Số tiền 7.470.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng*) thu giữ của bị cáo T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B: Một mặt dây chuyền dạng răng nanh màu trắng dài 6,8cm, chỗ rộng nhất 1,5cm, hai đầu có bọc kim loại màu vàng (*Đã được*

niêm phong trong phong bì); số tiền 80.000 đồng (*Tám mươi ngàn đồng*) thu giữ của bị cáo B nhưng tiếp tục tạm giữ các tài sản này để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức S: Một xe mô tô BKS: 92M1-042.32 của Nguyễn Đức S.

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước:

Số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 8.700.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm ngàn đồng*), số tiền của Trần Văn T sử dụng đánh bạc là 400.000 đồng (*Bốn trăm ngàn đồng*), số tiền của Đặng Ngọc D sử dụng đánh bạc là 1.100.000 đồng (*Một triệu một trăm ngàn đồng*), số tiền Trần L sử dụng đánh bạc là 120.000 đồng (*Một trăm hai mươi ngàn đồng*). Tổng cộng là 10.320.000 đồng (*Mười triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng*).

50% giá trị sợi dây chuyền kim loại màu vàng dạng mắc xích, dài 47cm (*Được niêm phong trong phong bì*) của bị cáo Nguyễn Văn B. Trả 50% giá trị sợi dây chuyền còn lại cho bà Bùi Thị Kim T.

50% giá trị xe mô tô nhãn hiệu MIKADO, số loại: 110, màu sơn xanh, số máy: VTTJL1P52FMHN004032, số khung: VTTWCH0E4UM004032; biển số 92N9 - 6064; trả 50% giá trị xe mô tô còn lại cho bà Nguyễn Thị M.

Một điện thoại di động Mobel M690, màu đen, số Imei 1: 806905120955014 của Huỳnh Đức T.

Một điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V6308, số Imei 1: 357492068288735, số Imei 2: 357492068288743 của Đặng Ngọc D.

Tịch thu và tiêu hủy: Một chén sứ màu trắng, có hoa văn màu xanh; Một đĩa sứ màu trắng, có hoa văn màu vàng; Bốn mảnh giấy cứng *(thường gọi là con vị)* được cắt từ lá bài tây, dạng hình tròn, đường kính trung bình khoảng 02 cm; Một tấm mền vải có màu đỏ - xám - trắng.

Giao cho Cơ quan Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam: Số tiền 3.900.000 đồng (*Ba triệu chín trăm ngàn đồng*) thu giữ tại nhà Nguyễn Văn B để xử lý theo quy định của pháp luật về tài sản chưa xác định được chủ sở hợp pháp.

(Tất cả số tiền nói trên có trong số tiền 21.900.000 đồng hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện T theo ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 23/5/2019; Các vật chứng nói trên (Trừ số tiền) hiện nay đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/5/2019).

Truy thu của bị cáo Nguyễn K 400.000 đồng (*Bốn trăm ngàn đồng*) nộp vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo Nguyễn Văn B, Đặng Ngọc D, Lê Văn T, Trần Văn T, Trần L, Nguyễn Đức S, Nguyễn K, Huỳnh Đức T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các khoản tiền phạt cho đến khi thi hành án xong, các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án *(21/6/2019)*. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan T.H.A HS Công an huyện T;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện T;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn, Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Trung Thành